



(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)  
(Issued in association with Circular 98/2020/TT-BTC on 16 November 2020 of Ministry of Finance)

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
**REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE CERTIFICATE**

Ngày báo cáo: 18/09/2025 / Reporting date: 18 Sep 2025

1	<b>Công ty quản lý quỹ:</b> Fund Management Company:	<b>Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI</b> SSI Asset Management Company Limited
2	<b>Ngân hàng giám sát:</b> Supervising bank:	<b>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam</b> Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
3	<b>Tên Quỹ:</b> Fund name:	<b>QUỸ ETF SSIAM VN30</b> SSIAM VN30 ETF
4	<b>Kỳ báo cáo:</b> Reporting Date:	<b>Từ ngày 12/09/2025 đến ngày 18/09/2025</b> From date 12 Sep 2025 to date 18 Sep 2025

Đơn vị tính/Currency: VND

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	Mã số Item No	KY BẢO CAO THIS PERIOD 18/09/2025	KY TRƯỚC LAST PERIOD 11/09/2025
A	<b>Giá trị tài sản ròng/ Net asset value</b>	2100		
A.1	<b>Giá trị đầu kỳ/ Opening balance</b>	2101		
	Của quỹ/ of fund	2101.1	195.805.941.470	198.838.735.406
	Của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot	2101.2	2.303.599.311	2.339.279.240
	Của một chứng chỉ quỹ/ per certificate	2101.3	23.035,99	23.392,79
A.2	<b>Giá trị tài sản ròng cuối kỳ/ Closing balance</b>	2102		
	Của quỹ/ of fund	2102.1	196.461.373.588	195.805.941.470
	Của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot	2102.2	2.311.310.277	2.303.599.311
	Của một chứng chỉ quỹ/ per certificate	2102.3	23.113,10	23.035,99
A.3	<b>Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó</b> <b>Change of net asset value during the period, in which</b>	2103		
	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của quỹ trong kỳ Change due to investment activities during the period	2103.1	655.432.118	(3.032.793.936)
	Thay đổi do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ trong kỳ Change due to subscription, redemption during the period	2103.2		
	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ Change due to profit distribution to investors during the period	2103.3		
A.4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ so với kỳ trước Change of net asset value per certificate in comparison to previous period	2104	77,11	(356,80)
A.5	<b>Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất</b> <b>Highest/lowest net asset value within the nearest 52 weeks</b>	2105		
	Giá trị cao nhất/ Highest value (VND)	2105.1	198.838.735.406	198.838.735.406
	Giá trị thấp nhất/ Lowest value (VND)	2105.2	142.268.120.602	142.268.120.602
A.6	<b>Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng với quỹ niêm yết)</b> <b>Foreign investors' ownership ratio (not applicable for listed fund)</b>	2106		
	Số lượng chứng chỉ quỹ/ Number of Fund Certificates	2106.1		
	Tổng giá trị/ Total value	2106.2		
	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership ratio	2106.3		
B	<b>Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ</b> <b>Market price (closing price of last session within the reporting day) of a certificate</b>	2107		
B.1	Giá trị đầu kỳ/ Opening balance	2108	23.500	23.770
B.2	Giá trị cuối kỳ/ Closing balance	2109	23.580	23.500
B.3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước Change of market price during the period in comparison to previous period	2110	80	(270)
B.4	<b>Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ</b> <b>Variance between market price and net asset value of one fund certificate</b>	2111		
	Chênh lệch tuyệt đối/ Absolute variance (VND)	2111.1	466,90	464,01
	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-) thặng dư (+))/ Relative variance (discount (-) surplus (+))	2111.2	2,02%	2,01%
B.5	<b>Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất</b> <b>Highest/lowest market value within the nearest 52 weeks</b>	2112		
	Giá trị cao nhất/ Highest value (VND)	2112.1	23.800	23.770
	Giá trị thấp nhất/ Lowest value (VND)	2112.2	13.800	15.800

Đại diện có thẩm quyền của Ngân Hàng Giám Sát  
Authorized Representative of Supervisory Bank  
VIỆT NAM  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
TRUNG TÂM

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ  
Authorized Representative of Fund Management Company  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
QUẢN LÝ QUỸ  
SSI  
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

**Tổ Thùy Linh**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**